

Số: **775** /QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày **28** tháng **6** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Phương án điều tra giá sản xuất công nghiệp

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1793/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định tiến hành điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-TCTK ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2022 của Tổng cục Thống kê;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Điều tra giá sản xuất công nghiệp.

Phương án điều tra giá sản xuất công nghiệp thời kỳ 2015-2020 ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-TCTK ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê được thực hiện đến hết tháng 9 năm 2022.

Điều 2. Giao Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng Công nghệ thông tin thống kê chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Giá, các đơn vị có liên quan của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện điều tra đúng Phương án quy định.



Điều 3. Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá, Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thành tra Thống kê, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lãnh đạo Tổng cục Thống kê;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp);
- Lưu: VT, TTDL (10).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương



PHƯƠNG ÁN
ĐIỀU TRA GIÁ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

*(Ban hành theo Quyết định số: 775/QĐ-TCTK ngày 28 tháng 6 năm 2021
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra giá sản xuất công nghiệp là cuộc điều tra chọn mẫu thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia được thực hiện nhằm phục vụ một số mục đích chủ yếu sau:

- Biên soạn chỉ tiêu chỉ số giá sản xuất công nghiệp thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Biên soạn và đảm bảo thông tin về giá và chỉ số giá sản xuất công nghiệp cung cấp cho Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành và địa phương trong công tác quản lý điều hành, phân tích kinh tế, xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Cung cấp chỉ số giá sản xuất công nghiệp hàng quý; 6 tháng; 9 tháng và năm so với năm gốc 2020; so với cùng kỳ năm trước; so với kỳ trước và được phân tổ theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là tỉnh, thành phố); vùng kinh tế và cả nước theo biểu mẫu quy định, để Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê tỉnh, thành phố (viết gọn là Cục Thống kê) sử dụng biên soạn một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.

- Đáp ứng nhu cầu thông tin về biến động giá sản xuất công nghiệp giúp các nhà sản xuất kinh doanh phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tính toán hiệu quả kinh tế, ký kết hợp đồng.

2. Yêu cầu điều tra

Điều tra giá sản xuất công nghiệp phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu giữ thông tin điều tra phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra giá sản xuất công nghiệp.

- Bảo đảm thu thập đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng đơn vị điều tra, các thông tin quy định trong Phương án điều tra.

- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.

- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả.

- Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước, đảm bảo tính so sánh quốc tế.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra giá sản xuất công nghiệp được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với các đơn vị điều tra được chọn thuộc 4 ngành kinh tế theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VISIC 2018), cụ thể:

- Ngành B: Khai khoáng.

- Ngành C: Công nghiệp chế biến, chế tạo.

- Ngành D: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí.

- Ngành E: Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.

2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra là các sản phẩm công nghiệp được đơn vị sản xuất bán ra và thuộc danh mục sản phẩm tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp.

3. Đơn vị điều tra

Đơn vị điều tra là các doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây viết gọn là doanh nghiệp) hạch toán kinh tế độc lập có hoạt động sản xuất công nghiệp và trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ công nghiệp thuộc danh mục điều tra, có địa điểm sản xuất kinh doanh ổn định.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

1. Loại điều tra

Điều tra giá sản xuất công nghiệp là cuộc điều tra chọn mẫu. Quy mô mẫu được phân bổ đảm bảo mức độ đại diện của chỉ số giá đến ngành cấp 2 cho cả nước, cấp vùng và cấp tỉnh, thành phố. Mẫu được thiết kế theo phương pháp phân tầng; mỗi tỉnh, thành phố là một tầng chọn mẫu cấp 1; mỗi ngành kinh tế cấp 4 trong tỉnh, thành phố là một tầng chọn mẫu cấp 2.

Dàn chọn mẫu cho điều tra giá sản xuất công nghiệp được lập dựa trên kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2020 (số liệu của năm 2019), cập nhật kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2021 và kết hợp với cơ sở dữ liệu thuế để xác định giá trị sản xuất của sản phẩm công nghiệp của đơn vị.

Chi tiết phương pháp chọn mẫu được quy định tại Phụ lục I.

2. Xây dựng Danh mục sản phẩm điều tra

- Dự thảo Danh mục sản phẩm điều tra đại diện cả nước tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp năm gốc 2020 được xây dựng dựa trên cơ sở danh mục sản phẩm công nghiệp thời kỳ 2015-2020, Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam năm 2018, kết quả điều tra ngành công nghiệp năm 2020 của từng tỉnh, thành phố và cập nhật kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2021.

- Dựa trên dự thảo Danh mục sản phẩm điều tra đại diện cả nước, thực hiện rà soát, cập nhật Danh mục căn cứ tình hình sản xuất các sản phẩm cụ thể của các doanh nghiệp tại các tỉnh, thành phố và hoàn thiện Danh mục sản phẩm điều tra của cả nước và 63 tỉnh, thành phố sử dụng cho điều tra chính thức. Các Danh mục này bao gồm thông tin chi tiết về quy cách, phẩm cấp, đơn vị tính cụ thể của từng sản phẩm công nghiệp; được sắp xếp theo Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam 2018.

Các sản phẩm công nghiệp được chọn đưa vào Danh mục sản phẩm điều tra đại diện cho tỉnh, thành phố đảm bảo các yêu cầu sau:

(i) Sản phẩm trong danh mục phải chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu tiêu thụ của ngành công nghiệp.

(ii) Sản phẩm đang được sản xuất và tiêu thụ (có bán trên thị trường), có khả năng tồn tại lâu dài và bảo đảm đại diện cho các sản phẩm công nghiệp.

(iii) Trường hợp địa phương không có sản phẩm theo Danh mục sản phẩm công nghiệp đại diện cả nước có thể thay thế bằng sản phẩm khác tương tự thuộc ngành cấp 5.

(iv) Một đơn vị điều tra có thể điều tra giá của một hoặc nhiều loại sản phẩm công nghiệp.

IV. THỜI ĐIỂM VÀ THỜI GIAN ĐIỀU TRA VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

1. Thời điểm điều tra

Thời điểm điều tra giá sản xuất công nghiệp vào ngày 05 hàng tháng.

Đối với những đơn vị điều tra không bán sản phẩm công nghiệp đúng ngày điều tra, lấy giá của ngày gần nhất trước hoặc sau ngày 05 của tháng điều tra nhưng không muộn hơn ngày 12 hàng tháng.

2. Thời gian điều tra

Thời gian điều tra: trong 8 ngày, từ ngày 05 đến ngày 12 hàng tháng.

Thời gian thực hiện điều tra: bắt đầu từ quý III năm 2022.

3. Phương pháp thu thập thông tin

Cuộc điều tra giá sản xuất công nghiệp sử dụng phương pháp điều tra gián tiếp thông qua hình thức thu thập thông tin trực tuyến.

Các đơn vị điều tra thực hiện cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử điều tra của Tổng cục Thống kê (Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê - Cục TTDL). Điều tra viên (viết gọn là ĐTV) có trách nhiệm cung cấp tài khoản (tên đăng nhập và mật khẩu) tới đơn vị điều tra để thực hiện cung cấp thông tin; hướng dẫn cung cấp thông tin trên phiếu điều tra và kiểm tra, nghiệm thu phiếu điều tra của các đơn vị được phân công thực hiện.

V. NỘI DUNG VÀ PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Điều tra giá sản xuất công nghiệp thu thập các thông tin sau:

- Thông tin chung của đơn vị điều tra: Tên đơn vị điều tra, mã số thuế (nếu có), địa chỉ, điện thoại, email của đơn vị điều tra.

- Thông tin về giá sản phẩm công nghiệp của cuộc điều tra gồm: Tên sản phẩm, dịch vụ sản xuất công nghiệp, quy cách, phẩm cấp, nhãn mác cụ thể của từng sản phẩm công nghiệp; đơn vị tính giá; đơn giá sản phẩm.

2. Phiếu điều tra

Phiếu điều tra giá sản xuất công nghiệp được thiết kế trên một loại phiếu điều tra theo mẫu Phiếu số 01/ĐTĐ-CN.

Mẫu phiếu thu thập thông tin giá sản xuất công nghiệp quy định tại Phụ lục II.

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

1. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Danh mục các đơn vị hành chính ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 cập nhật đến 31/12 năm trước năm điều tra.

4. Danh mục sản phẩm công nghiệp đại diện để tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp năm gốc 2020 theo cấu trúc chỉ số giá sản xuất công nghiệp.

5. Cấu trúc chỉ số giá sản xuất công nghiệp phân tổ theo Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam năm 2018.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

Điều tra thu thập thông tin về giá của Phương án Điều tra giá sản xuất công nghiệp được thực hiện từ quý III năm 2022. Trong đó, thông tin về giá của quý III năm 2022 phục vụ tính ngoại suy bảng giá gốc năm 2020 và hệ số chuyển đổi K; thông tin về giá của quý IV năm 2022 trở đi được sử dụng để tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp theo năm gốc 2020 và hệ số chuyển đổi K.

Thông tin về giá các sản phẩm công nghiệp thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp của cả nước và 63 tỉnh, thành phố phục vụ tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp năm gốc 2020 được thu thập và gửi về máy chủ tại Tổng cục Thống kê ngay khi doanh nghiệp hoàn thành việc kê khai thông tin. Dữ liệu được ĐTV, Giám sát viên (GSV) cấp tỉnh và cấp Trung ương kiểm tra, nghiệm thu trước khi sử dụng để tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp.

a) Xây dựng bảng giá kỳ gốc năm 2020

Toàn bộ các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm phục vụ tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp năm gốc 2020 được thu thập thông tin về giá gốc quý III năm 2020. Cụ thể như sau:

- Đối với các sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp đã được thu thập thông tin về giá thời kỳ 2015 - 2021: Sử dụng trực tiếp giá đã điều tra giá quý III năm 2020 để tính giá bình quân năm gốc 2020.

- Đối với các sản phẩm công nghiệp mới phát sinh tại các tỉnh, thành phố đã thực hiện điều tra giá công nghiệp giai đoạn 2015 - 2021 và các sản phẩm công nghiệp tại các tỉnh, thành phố được chọn mới trong điều tra giá sản xuất công nghiệp năm 2022. Giá gốc năm 2020 được ngoại suy từ giá điều tra trong quý III năm 2022 thông qua các bước sau:

+ Bước 1: Cục Thống kê thực hiện thu thập thông tin về giá của sản phẩm trong quý III năm 2022.

+ Bước 2: Tính giá sản xuất công nghiệp quý III năm 2021 bằng cách lấy giá điều tra quý III năm 2022 chia cho chỉ số giá sản xuất công nghiệp của vùng quý III năm 2022 của nhóm mặt hàng tương ứng so với cùng kỳ năm 2021.

+ Bước 3: Tính giá năm gốc 2020 (giá sản xuất công nghiệp quý III năm 2020) bằng cách lấy giá sản xuất công nghiệp quý III năm 2021 chia cho chỉ số giá sản xuất công nghiệp của vùng quý III năm 2021 của nhóm mặt hàng tương ứng so với cùng kỳ năm 2020.

Nội dung công việc tại Bước 2 và Bước 3 do Tổng cục Thống kê thực hiện.

b) Tính hệ số chuyển đổi K

K là hệ số chuyển đổi năm gốc 2015 so với năm gốc 2020, K được tính như sau:

$$K=K1/K2$$

K1: Chỉ số giá công nghiệp quý gôđ đầu (quý III/2022) so với năm gốc 2015.

K2: Chỉ số giá công nghiệp quý gôđ đầu (quý III/2022) so với năm gốc 2020.

Công thức tính chỉ số giá năm gốc 2020 về năm gốc 2015 sẽ được nối chuỗi theo công thức sau:

$$I_d^{t \rightarrow 2015} = I_d^{t \rightarrow 2020} \times K$$

Trong đó:

$I_d^{t \rightarrow 2015}$ là chỉ số giá nhóm d kỳ t so với năm gốc 2015;

$I_d^{t \rightarrow 2020}$ là chỉ số giá nhóm d kỳ t so với năm gốc 2020.

Hệ số chuyển đổi K cho phép chuyển đổi chuỗi số liệu chỉ số giá sản xuất công nghiệp theo năm gốc 2020 về năm gốc 2015 và ngược lại theo năm gốc 2015 về năm gốc 2020, từ đó tính toán chỉ số giá sản xuất công nghiệp theo các gốc so sánh.

c) Kiểm tra, xử lý dữ liệu điều tra

Thông tin về giá các sản phẩm công nghiệp sau khi được các đơn vị hoàn thành sẽ được gửi về hệ thống máy chủ phục vụ kiểm tra, xử lý số liệu. Công việc kiểm tra số liệu về giá sản xuất công nghiệp gồm những nội dung chính sau:

- Kiểm tra, rà soát Danh mục sản phẩm đại diện cả nước và Danh mục sản phẩm đại diện cho tỉnh, thành phố để thống nhất Danh mục sản phẩm công nghiệp phục vụ thu thập thông tin về giá sản xuất.

- Giá thu thập được là giá bán của người sản xuất công nghiệp (không bao gồm thuế giá trị gia tăng - VAT; phí lưu thông thương mại; cước vận tải) cộng (+) Trợ cấp sản phẩm (nếu có).

- Đơn vị tính giá của các sản phẩm công nghiệp phải đúng với quy định của Danh mục sản phẩm công nghiệp.

- Kiểm tra số liệu tháng báo cáo so với kỳ trước theo từng sản phẩm, theo từng đơn vị điều tra, các ghi chú do các điều tra viên gửi về, kiểm tra số lượng mẫu giá giữa các tháng điều tra trước khi tính chỉ số giá.

- Kiểm tra số lượng sản phẩm công nghiệp gán giá, sản phẩm thay thế trong kỳ.

- Nghiệm thu các thông tin về giá đã được điều tra bằng cách duyệt các phiếu điều tra đã hoàn thành.

- Kiểm tra chỉ số giá sản xuất công nghiệp của các nhóm hàng trong từng tỉnh, thành phố; vùng và cả nước để hoàn thiện thông tin về giá; duyệt chỉ số giá sản xuất công nghiệp.

d) Xây dựng quyền số giá sản xuất công nghiệp

Quyền số tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp là tỷ trọng giá trị sản xuất của từng nhóm sản phẩm công nghiệp so với tổng giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp.

Quyền số tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp cả nước là tỷ trọng giá trị sản xuất sản phẩm công nghiệp của từng vùng so với tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước theo từng nhóm sản phẩm. Quyền số tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp cấp vùng là tỷ trọng giá trị sản xuất của từng tỉnh, thành phố so với tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng theo từng nhóm hàng. Quyền số tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp từng tỉnh, thành phố là tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của từng nhóm sản phẩm so với tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh, thành phố.

Quyền số tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp có hai loại:

- Quyền số dọc là tỷ trọng giá trị sản xuất từng nhóm sản phẩm công nghiệp so với tổng giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp. Quyền số dọc được tính cho các tỉnh, thành phố; vùng và cả nước.

- Quyền số ngang là tỷ trọng giá trị sản xuất của từng nhóm sản phẩm công nghiệp của từng tỉnh, thành phố so với vùng hoặc của từng vùng so với cả nước.

Quyền số tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp năm 2022 theo năm gốc 2020 được tính từ giá trị sản xuất công nghiệp của năm 2019; quyền số tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp được điều chỉnh hàng năm theo cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp.

đ) Xây dựng cấu trúc chỉ số giá sản xuất công nghiệp

Để đảm bảo tính liên tục của chuỗi chỉ số giá sản xuất công nghiệp qua thời gian và phù hợp với cơ cấu sản xuất của ngành công nghiệp trong thời kỳ mới, cấu trúc chỉ số giá sản xuất công nghiệp theo năm gốc 2020 được xây dựng chi tiết đến nhóm cấp 5 áp dụng thống nhất trong cả nước.

Cấu trúc chỉ số giá sản xuất công nghiệp được quy định tại Phụ lục III.

e) Công thức áp dụng tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp

Áp dụng công thức Laspeyres được sử dụng trong tính toán chỉ số giá sản xuất công nghiệp, cụ thể công thức tính như sau:

$$I^{t \rightarrow 0} = \frac{\sum_{i=1}^n p_i^t q_i^0}{\sum_{i=1}^n p_i^0 q_i^0} = \sum_{i=1}^n W_i^0 * \left(\frac{p_i^t}{p_i^0} \right) \quad (1)$$

Trong đó:

$I^{t \rightarrow 0}$: Chỉ số giá sản xuất công nghiệp năm báo cáo (t) so với năm gốc (0);

p_i^t : Giá sản phẩm i năm báo cáo (t);

p_i^0 : Giá sản phẩm i năm gốc (0);

n: Số lượng sản phẩm;

$w_i^0 = \frac{p_i^0 q_i^0}{\sum_{i=1}^n p_i^0 q_i^0}$: Quyền số năm gốc (0).

Phương pháp tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp cấp tỉnh, vùng và cả nước được quy định tại Phụ lục IV.

2. Tổng hợp kết quả đầu ra

a) Chỉ số giá sản xuất công nghiệp cấp tỉnh

Dựa trên thông tin về giá, quyền số và phương pháp tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp để thực hiện tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp cấp tỉnh. Các phần mềm có liên quan sẽ được xây dựng để biên soạn các biểu tổng hợp kết quả đầu ra theo quy định. Số liệu của các biểu tổng hợp kết quả đầu ra cấp tỉnh được cập nhật theo thời gian thực của quá trình điều tra thu thập thông tin.

b) Chỉ số giá sản xuất công nghiệp cấp vùng và cả nước

Dựa trên thông tin về giá, quyền số cấp tỉnh và phương pháp tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp để thực hiện tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp cấp vùng và cả nước. Các phần mềm có liên quan sẽ được xây dựng để biên soạn các biểu tổng hợp kết quả đầu ra theo quy định. Số liệu của các biểu tổng hợp kết quả đầu ra cấp vùng và trung ương được cập nhật theo thời gian thực của quá trình điều tra thu thập thông tin và duyệt số liệu.

Chi tiết biểu đầu ra cả nước, cấp vùng và cấp tỉnh quy định tại Phụ lục V.

c) Công bố chỉ số giá sản xuất công nghiệp

Chỉ số giá sản xuất công nghiệp cả nước; cấp vùng; các tỉnh, thành phố theo năm gốc 2020 được công bố từ quý IV năm 2022, bao gồm các thông tin sau:

- Theo ngành sản phẩm: Chỉ số giá chung, chỉ số giá các nhóm ngành cấp 1 và nhóm ngành cấp 2.

- Theo thời gian: Chỉ số giá quý công bố theo năm gốc 2020, cùng kỳ năm trước và quý trước; chỉ số giá 6 tháng, 9 tháng và năm công bố theo kỳ năm gốc 2020, cùng kỳ năm trước.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA¹

Điều tra giá sản xuất công nghiệp thực hiện theo kế hoạch sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng phương án điều tra	Tháng 6-10/2021	Cục TTDL	Vụ TKG, CNXD, PPCĐ
2	Xây dựng phiếu điều tra	Tháng 6-10/2021	Cục TTDL	Vụ TKG
3	Xây dựng quy trình tính chỉ số giá	Tháng 6-10/2021	Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xây dựng cấu trúc chỉ số giá sản xuất công nghiệp	Tháng 6-10/2021	Vụ TKG	Cục TTDL
5	Xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra	Tháng 6-10/2021	Cục TTDL	Vụ TKG, CNXD
6	Lập dàn chọn mẫu	Tháng 7-10/2021	Cục TTDL	Vụ TKG, CNXD
7	Chọn mẫu	Tháng 8-10/2021	Cục TTDL	Vụ TKG, CNXD
8	Lập danh mục sản phẩm phục vụ rà soát	Tháng 8-10/2021	Vụ TKG	Cục TTDL, Vụ CNXD, PPCĐ
9	Xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra	Tháng 8-10/2021	Vụ TKG	Cục TTDL
10	Xây dựng các phần mềm phục vụ rà soát danh mục sản phẩm; điều tra thu thập thông tin giá; tính chỉ số giá sản xuất công nghiệp; tổng hợp kết quả đầu ra	Tháng 8/2021-06/2022	Cục TTDL	Vụ TKG
11	Cập nhật sản phẩm, đơn vị điều tra phục vụ xây dựng Danh mục sản phẩm, đơn vị điều tra sử dụng từ năm 2022	Tháng 01/2022	CTK	Cục TTDL, Vụ TKG, CNXD
12	Rà soát, hoàn thiện Danh mục sản phẩm, đơn vị điều tra	Tháng 02/2022	Cục TTDL	Vụ TKG, CTK
13	Tính quyền số	Tháng 01-5/2022	Cục TTDL	Vụ TKG

¹ Các chữ viết tắt trong bảng: Cục TTDL: Cục thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê; Vụ TKG: Vụ Thống kê Giá; Vụ TMDV: Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ; Vụ PPCĐ: Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê; VPTC: Văn phòng Tổng cục; CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
14	In tài liệu	Tháng 3/2022	Cục TTDL	Đơn vị liên quan
15	Tập huấn cấp trung ương và cấp tỉnh	Tháng 5/2022	Cục TTDL, CTK	VPTC, Vụ TKG
16	Điều tra giá gốc	Tháng 7-9/2022	CTK	Cục TTDL, Vụ TKG, CNXD
17	Tổng hợp giá gốc	Tháng 7-9/2022	Cục TTDL	Vụ TKG
18	Thu thập thông tin	Bắt đầu từ tháng 7/2022	CTK	Cục TTDL, Vụ TKG
19	Tính hệ số chuyển đổi K và nối chuỗi chỉ số giá giữa hai thời kỳ	Tháng 9/2022	Vụ TKG	Cục TTDL
20	Kiểm tra, duyệt dữ liệu	Hàng tháng	CTK, Cục TTDL	Vụ TKG
22	Tổng hợp kết quả đầu ra	Hàng quý	Vụ TKG	Cục TTDL
22	Chuẩn bị nội dung phục vụ công bố chỉ số giá	Hàng quý, từ quý IV năm 2022	Vụ TKG	Đơn vị liên quan
23	Rà soát, điều chỉnh quyền số giá hàng năm	Từ năm 2023	Cục TTDL	Vụ TKG

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công tác chuẩn bị

a) Chọn mẫu, cập nhật danh sách đơn vị điều tra và lập Danh mục sản phẩm điều tra.

Cục TTDL chủ trì phối hợp với Vụ Thống kê Giá chọn mẫu các đơn vị điều tra; chủ trì phối hợp với Cục Thống kê rà soát, cập nhật đơn vị điều tra phục vụ công tác thu thập thông tin.

Vụ Thống kê Giá chủ trì lập dự thảo Danh mục sản phẩm điều tra phục vụ rà soát, lập và thống nhất Danh mục sản phẩm điều tra.

Cục Thống kê chủ trì chỉ đạo thực hiện việc rà soát, cập nhật đơn vị điều tra và lập danh mục sản phẩm trên phạm vi tỉnh, thành phố.

b) Tuyển chọn lực lượng tham gia điều tra

- Cục Thống kê chủ trì tuyển chọn ĐTV phục vụ công tác thu thập thông tin của cuộc điều tra, đảm bảo tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

- GSV là lực lượng thực hiện công việc giám sát các hoạt động của mạng lưới ĐTV và hỗ trợ chuyên môn cho GSV cấp dưới (nếu có) và các ĐTV trong quá trình điều tra thực địa. GSV có 02 cấp: cấp trung ương, cấp tỉnh.

c) Tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm

- Cấp trung ương: Cục TTDL phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ và hướng dẫn sử dụng phần mềm cho GSV, công chức của các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê; lãnh đạo Cục Thống kê và giảng viên cấp tỉnh trong năm thay đổi Phương án điều tra và những năm có nội dung nghiệp vụ mới cần quán triệt. Thời gian tổ chức hội nghị là 01 ngày.

- Cấp tỉnh: Cục Thống kê tổ chức tập huấn trực tiếp cho GSV và ĐTV. Thời gian tập huấn là 01 ngày.

Hằng năm, khi có sự thay đổi về GSV, ĐTV, Cục Thống kê chủ động tổ chức tập huấn cho đội ngũ GSV, ĐTV mới.

d) Tài liệu điều tra

Tài liệu điều tra bao gồm các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và sử dụng phần mềm do Tổng cục Thống kê biên soạn. Cục Thống kê chủ động in và phân phối theo khối lượng thực tế của đơn vị.

đ) Chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm sử dụng trong điều tra bao gồm: Chương trình phần mềm sử dụng cho công tác rà soát đơn vị và Danh mục sản phẩm điều tra, chương trình phần mềm thu thập thông tin Webform; chương trình chọn mẫu đơn vị điều tra; các chương trình quản lý giám sát, kiểm tra và duyệt phiếu điều tra điện tử, chương trình tổng hợp quả điều tra.

2. Công tác thu thập thông tin

Cục Thống kê chủ trì chỉ đạo thực hiện công tác thu thập thông tin bảo đảm tiến độ và chất lượng thông tin thu thập.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra.

Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm: Kiểm tra, giám sát việc tổ chức các lớp tập huấn, thu thập thông tin của đơn vị điều tra, số lượng và chất lượng thông tin do đơn vị cung cấp,...

Hình thức kiểm tra, giám sát: Kiểm tra, giám sát trực tiếp công tác tập huấn và thu thập thông tin tại địa bàn; kiểm tra, giám sát trực tuyến trên Trang Web điều hành tác nghiệp.

Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, công tác kiểm tra giám sát chất lượng phiếu điều tra được thực hiện ngay trong quá trình thu thập thông tin, GSV thường xuyên kiểm tra dữ liệu trên chương trình phần mềm và thông báo đề nghị đơn vị, ĐTV xác minh hoàn thiện phiếu điều tra.

4. Nghiệm thu và xử lý thông tin

a) Nghiệm thu phiếu điều tra

- Cục TTDL chủ trì nghiệm thu dữ liệu điều tra hàng tháng trên phạm vi cả nước.
- Cục Thống kê chủ trì việc nghiệm thu dữ liệu điều tra hàng tháng trên phạm vi tỉnh, thành phố.

b) Xử lý thông tin

Cục TTDL chủ trì phối hợp với Vụ Thống kê Giá và Cục Thống kê thực hiện kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu điều tra phục vụ tổng hợp và phân tích kết quả điều tra; thực hiện tính quyền số và tổng hợp kết quả đầu ra theo yêu cầu.

5. Chỉ đạo thực hiện

a) Cục TTDL: Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau: Thiết kế và chọn mẫu đơn vị điều tra, thống nhất danh mục sản phẩm điều tra; xây dựng các loại tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra; xây dựng các phần mềm; tổ chức in ấn tài liệu; tổ chức tập huấn cấp Trung ương; tổ chức công tác kiểm tra, giám sát; kiểm tra, làm sạch, xử lý và tổng hợp kết quả điều tra theo mẫu biểu; rà soát, điều chỉnh danh mục sản phẩm hàng năm bắt đầu từ năm 2023; rà soát, điều chỉnh quyền số hàng năm bắt đầu từ năm 2023.

b) Vụ Thống kê Giá: Chủ trì dự thảo Danh mục sản phẩm điều tra phục vụ rà soát, lập Danh mục sản phẩm điều tra; xây dựng cấu trúc chỉ số giá, xây dựng quy trình tính chỉ số giá; xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra gửi Cục TTDL phục vụ xây dựng chương trình phần mềm; chủ trì tổng hợp và biên soạn biểu số liệu đầu ra, phân tích, chuẩn bị nội dung công bố kết quả điều tra theo quy định. Phối hợp với Cục TTDL chọn mẫu đơn vị điều tra, rà soát lập danh mục sản phẩm điều tra, kiểm thử phần mềm, tập huấn nghiệp vụ điều tra, giám sát công tác thu thập thông tin, kiểm tra, xử lý số liệu, tính và cập nhật quyền số điều tra,...

c) Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng: Phối hợp với Cục TTDL rà soát, lập và Vụ Thống kê Giá lập và cập nhật danh mục sản phẩm điều tra; tính quyền số phục vụ biên soạn chỉ số giá sản xuất công nghiệp,...

d) Vụ Kế hoạch tài chính: Chủ trì và phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan dự toán kinh phí hàng năm cho cuộc điều tra; hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định.

đ) Văn phòng Tổng cục Thống kê: Chủ trì thanh toán đối với nội dung công việc do các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê thực hiện. Phối hợp với Cục TTDL tổ chức tập huấn nghiệp vụ cấp Trung ương, tổ chức công tác kiểm tra, giám sát và các công việc khác liên quan đến cuộc điều tra.

e) Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê: Chủ trì thực hiện công tác tuyên truyền và thanh tra đối với cuộc điều tra trên phạm vi cả nước theo đúng quy định,

đồng thời hướng dẫn về nghiệp vụ thanh tra để các Cục Thống kê tổ chức kiểm tra, thanh tra thực hiện Phương án điều tra.

f) Cục Thống kê: Cục trưởng Cục Thống kê chịu trách nhiệm chỉ đạo, thực hiện các công việc liên quan đến cuộc điều tra trên phạm vi tỉnh, thành phố bao gồm: Rà soát, lập danh sách đơn vị điều tra; cập nhật danh mục sản phẩm điều tra phục vụ công tác điều tra; hoàn thiện danh mục sản phẩm điều tra; tuyển chọn lực lượng tham gia điều tra; tập huấn và hướng dẫn nghiệp vụ điều tra; thu thập thông tin bao gồm điều tra giá gốc và điều tra thu thập thông tin định kỳ; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát; kiểm tra, nghiệm thu, làm sạch dữ liệu điều tra. Cập nhật hoàn thiện Danh sách đơn vị điều tra, Danh mục sản phẩm điều tra từ năm 2023.

Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê thực hiện: Kiểm thử các loại phần mềm; hỗ trợ các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra cấp Trung ương.

X. KINH PHÍ ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra giá sản xuất công nghiệp do Ngân sách Nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Tổng cục Thống kê có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định của văn bản hiện hành.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc Điều tra giá sản xuất công nghiệp theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và các chế độ tài chính hiện hành./.

